

LỖI PHÁT ÂM ÂM TIẾT THƯỜNG GẶP Ở TRẺ 2 – 4 TUỔI (tại Thành phố Hồ Chí Minh)

NGUYỄN THỊ LY KHA*, PHẠM HẢI LÊ**

TÓM TẮT

Bài viết tìm hiểu về lỗi phát âm âm tiết thường gặp ở trẻ 2 – 4 tuổi trong một số trường mẫu giáo tại TPHCM. Qua khảo sát âm lời nói của 635 trẻ 2 – 4 tuổi, tác giả cho rằng có những âm thuộc nhóm “âm muộn”, như /-u-/, /χ-, t^h-, f-, s, ʃ-, z-, ʒ-, k-/. Có trên 20% số trẻ phải 2 tuổi rưỡi trở lên mới có thể phát âm đúng những âm này. Việc chữa lỗi phát âm cho trẻ bình thường cũng như trẻ bị khiếm khuyết bộ máy phát âm cần có những chỉ số về các mốc phát triển ngữ âm của trẻ.

Từ khóa: lỗi phát âm, nguyên âm, phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu, mẫu giáo.

ABSTRACT

Syllables articulation errors

with the Vietnamese children from 2 years to 4 years old (in Ho Chi Minh City)

Article explores syllables Articulation errors with the Vietnamese children from 2 years to 4 years old at kindergarten school in Ho Chi Minh City. A survey speech sound of 635 children with years from 2 to 4 years old, with article results sound group belongs to “sound late” for example /-u-/, /χ-, t^h-, f-, s, ʃ-, z-, ʒ-, k-/. There are over 20 % of children over 2;6 years old be able to correctly articulation with sound late. Therapy for normal children or children with Articulation errors we need typical articulation development.

Keywords: Articulation errors, vowels, initial consonants, final consonants, tone, kindergarten.

1. Vấn đề xác lập quy trình ngữ âm của trẻ em

1.1. Trong số 6 chuẩn với 30 chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp đối với trẻ 5 tuổi mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2010, có 1 chỉ số về phát âm – chỉ số 65 “Nói rõ ràng”, thuộc chuẩn 15: *Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp* [2, tr.92]. Có thể nói, với trẻ 5 tuổi và đặt trong hệ thống 6 chuẩn ngôn ngữ cho trẻ 5 tuổi, thì “Nói rõ

ràng” được hiểu là phát âm đúng, không bị các lỗi về phát âm như nói mất âm, thay âm, thêm âm, nói lặp (mặc dù trong ngữ cảnh khác có thể hiểu “nói rõ ràng” là trình bày (viết / nói) một cách rõ ràng ý mình định nói).

“Nói rõ ràng” là một chỉ số quan trọng. Bởi ngôn ngữ, hoạt động ngôn ngữ trước hết và chủ yếu là ngôn ngữ bằng lời. Những năm gần đây, ở Việt Nam đã có không ít báo cáo y khoa cho biết tại khoa tâm lí ở các bệnh viện nhi đồng, trẻ đến khám do chậm nói “chiếm vị trí hàng đầu (45%)” [11, tr.201-204]; có những

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

** GV, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

nghiên cứu đã mô tả nhiều trường hợp quan sát được trên thực tế về những trẻ mẫu giáo bộc lộ nhiều khó khăn nghiêm trọng khi phát âm, trong khi bộ máy phát âm, thính giác, thị giác của trẻ không có gì khiếm khuyết, mức độ phát triển nhận thức, xã hội - cảm xúc của trẻ bình thường và trẻ sống trong hoàn cảnh không có gì bất thường [14]. Để giúp đỡ những trẻ này, việc tìm hiểu lỗi phát âm ở trẻ bình thường là rất cần thiết.

1.2. Nghiên cứu, mô tả và xác lập các mốc phát triển ngôn ngữ của trẻ em 0 – 6 tuổi là một hoạt động được quan tâm đặc biệt ở những quốc gia có nền giáo dục phát triển. Bởi lẽ qua cứ liệu của các nghiên cứu xác định mô tả các chặng phát triển ngôn ngữ của trẻ em, người hoạch định chương trình giáo dục ngôn ngữ có thể xây dựng chương trình, nội dung, cách thức, hình thức tổ chức thực hiện giáo dục ngôn ngữ một cách có hiệu quả. Đồng thời, cứ liệu về các chặng phát triển ngôn ngữ của trẻ em cũng sẽ giúp cho việc sàng lọc những trẻ có khó khăn về ngôn ngữ để có thể xây dựng quy trình và nội dung can thiệp trị liệu một cách kịp thời, đúng hướng.

Năm 1990, Ka-hai-nơ-dích đã mô tả và xác lập quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ 0 – 6 tuổi. Tương ứng với từng giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ, Ka-hai-nơ-dích trình bày cụ thể các hoạt động của người nuôi dạy trẻ trong việc giúp trẻ phát triển ngôn ngữ từ ngữ âm đến từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng.

Năm 2000, ngoài việc bàn luận về các quan điểm phát triển ngôn ngữ của Piaget, Vygotsky, các tác giả Elliot

Stephen N., Will Thomas R. Kratoch, Cook Joan Liilefield, Travers John F., đã mô tả về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em 0 – 3 tuổi: giai đoạn của lời nói “không theo quy luật”; và giai đoạn 3 – 6 tuổi: giai đoạn trẻ bắt đầu sử dụng ngôn ngữ cho những mục đích của bản thân, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để giao tiếp với những người khác; để khi đến 5 – 6 tuổi, trẻ đã biết sử dụng ngôn ngữ tiền học đường [4]. Công trình *A Resource Book for Students* của P.J. Stilwell (2006) tập trung bàn về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em ở các phương diện âm vị, từ vựng, hình thái, cú pháp, diễn ngôn; khả năng đọc, viết và khả năng học ngôn ngữ thứ hai của trẻ. Đồng thời, P.J. Stilwell cũng đưa ra hệ thống bài tập thực hành phát triển ngôn ngữ cho trẻ, như bài tập phát âm, bài tập về nghĩa của từ, mở rộng vốn từ, viết câu, sử dụng phương ngữ, rèn luyện kỹ năng giao tiếp,...[10].

Mỗi ngôn ngữ có một hệ thống âm vị riêng; đặc điểm cấu tạo âm tiết của các ngôn ngữ cũng không như nhau [8], [12]. Vì vậy, để có thể có những chỉ số cho việc giáo dục ngữ âm cho trẻ em Việt Nam cần có số liệu, cứ liệu về quy trình âm vị của trẻ em Việt Nam cũng như những lỗi phát âm thường gặp ở trẻ em Việt Nam.

Ở Việt Nam, khoảng 20 năm trở lại nay, đã có những nghiên cứu ngôn ngữ trẻ em, như *Những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1 đến 6 tuổi (trên cứ liệu ngôn ngữ trẻ em ở nội thành Hà Nội)* (Luu Thị Lan 1996), *Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em* (Nguyễn Huy Cận

2001), *Một số đặc điểm phát triển của trẻ em từ 0 – 6 tuổi và mục tiêu nội dung chăm sóc - giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non* (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam 2001)... Các công trình này chủ yếu nói về vai trò và vị trí của ngôn ngữ đối với sự phát triển của trẻ, các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ (tiền ngôn ngữ 0 – 1 tuổi, ngôn ngữ 1 – 6 tuổi); đặc điểm ngôn ngữ của từng giai đoạn [3], [7], [13]. Tuy nhiên, những nghiên cứu này, do giới hạn vấn đề và phạm vi quan tâm của tác giả, nên người đọc khó tìm thấy ở đây những chỉ số, chỉ báo về các “mốc âm vị”, “quy trình âm vị” của trẻ em Việt Nam; cũng như khó tìm thấy ở đây nội dung lượng giá cùng những chỉ dẫn cần yếu về cách thức, phương tiện lượng giá,... Vì vậy, nghiên cứu xác lập quy trình âm vị của trẻ em Việt Nam cho đến nay vẫn là vấn đề còn nhiều câu hỏi chưa được giải quyết rõ ràng, thỏa đáng cho những ai quan tâm tới lĩnh vực này.

Tìm hiểu lỗi phát âm của trẻ 2 – 4 tuổi tại một số trường mẫu giáo ở TP HCM, chúng tôi muốn góp phần xác định danh sách lỗi phát âm thường gặp ở trẻ bình thường trong các độ tuổi khác nhau. Danh sách xác định được có thể dùng làm chỉ số sàng lọc giúp phát hiện sớm những trẻ có khó khăn về âm lời nói, cũng như việc xác lập chương trình, nội dung giáo dục và rèn luyện ngữ âm cho trẻ trước tuổi đến trường. Khảo sát này, vì vậy, được tiến hành xuất phát từ giả định: trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt có những thành tố do đặc điểm cấu âm âm học cùng vị trí, chức năng của nó trong

cấu tạo âm tiết, cộng với đặc điểm tâm sinh lí, ngôn ngữ của trẻ mà nó có thể bị trẻ phát âm sai. Và có những yếu tố phải đến một độ tuổi nào đó, trẻ mới có thể phát âm đúng.

2. Cách xác định lỗi phát âm của nhóm trẻ được khảo sát

Âm tiết tiếng Việt là một cấu trúc gồm 5 thành tố: âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu. Trong đó âm chính và thanh điệu là 2 thành tố không thể vắng mặt trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt [8], [12].

Lỗi phát âm âm tiết trong nghiên cứu này được hiểu là tình trạng bớt âm, thay âm, thêm âm, khi phát âm âm tiết. Chẳng hạn, *táo* → *áo*, *khí* → *i*, *voi* → *vo* (bớt âm); *khí* → *hí*, *thầy* → *hầy*, *mẹ* → *bẹ* (thay âm); *áo* → *báo/máo*, *ôi* → *môi* (thêm âm),... Các hiện tượng phát âm theo phương ngữ, như *nồi* → *lồi*, *sâu* → *xâu*, *rùa* → *gùa*, *trăng* → *chăng*, *vẽ* → *giẽ*, *hươu* → *hưu*; *sẽ* → *sẻ/sẹ*, *muối* → *muối/muội*, v.v. sẽ không được xem là lỗi phát âm. Ngoài ra, hiện tượng nói lắp, nói nhịu hay giọng khan... cũng nằm ngoài phạm vi của khảo sát này.

2.1. Địa bàn, số lượng trẻ, nội dung, đối tượng và công cụ khảo sát

2.1.1. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng dân cư đông nhất và cũng là nơi có tình hình cộng cư đa dạng nhất so với các địa phương còn lại¹. Trẻ mẫu giáo, do còn ít tuổi nên ảnh hưởng phương ngữ của bố mẹ và người trực tiếp nuôi dưỡng nhiều hơn so với trẻ em ở lứa tuổi tiểu học. Chọn địa bàn TP HCM để khảo sát, chúng tôi hi vọng số liệu thu thập được sẽ phản ánh phần nào dấu ấn

phương ngữ vùng miền và ảnh hưởng của nó với thực trạng phát âm của trẻ; mặc dù phát âm theo phương ngữ không được xem là lỗi phát âm.

Số trẻ được khảo sát trong nghiên cứu này được chọn ngẫu nhiên từ một số trường mẫu giáo thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Tất cả những trẻ được chọn để khảo sát đều là trẻ bình thường, học trường mầm non đại trà (không khảo sát trẻ học hội nhập, hòa nhập). Trẻ bị dị tật ảnh hưởng đến phát âm (bị khe hở môi, khe hở vòm miệng; thiếu năng trí tuệ, tự kỉ, điếc, hoặc các dị tật liên quan đến lời nói); trẻ có bố mẹ (hoặc người trực tiếp nuôi dạy trẻ) nói tiếng dân tộc khác ngoài tiếng Việt đều không thuộc đối tượng mà khảo sát này lượng giá.

2.1.2. Đối tượng khảo sát, mô tả trong nghiên cứu này là lỗi phát âm (âm tiết) thường gặp ở trẻ 2 – 4 tuổi tại một số trường mẫu giáo ở TPHCM.

2.1.3. Để lượng giá được khả năng phát âm của trẻ, tìm được lỗi phát âm thường gặp ở trẻ 2 – 4 tuổi, chúng tôi chọn hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại đã được thừa nhận và được phản ánh qua chính tả (các trường hợp có biến thể, chỉ tính những biến thể ngôn ngữ, không tính biến thể lời nói). Cụ thể là:

- 21 âm vị phụ âm đầu: /b, k, c, z, d, ʎ, h, ɣ, l, m, n, ɲ, ɳ, f, ʙ, s, ʃ, t, t^h, ʈ, v/.

- 1 âm vị âm đệm: /-u-/.

- 14 âm chính: /i, ie, e, ε, ɤ, ỹ, uo, ɯɤ, o, ɔ, a, ă/.

- 8 âm cuối: /-ɨ, -u; -p, -t, -k; -m, -n, -ŋ/.

- 6 thanh: /1, 2, 3, 4, 5, 6/.

Tổng cộng: 50 âm vị. Ngoài ra, những trường hợp biến thể ngữ âm, như /k^j, ɲ^j, ʎ^j/ cũng được xem xét qua danh sách từ có chứa những biến thể này, vd: *kiến, nghệ, ghé* nhằm bổ sung thêm vào cho việc xem xét chúng ở dạng tiêu thể, như /k, ɲ, ʎ/, vd: *cá, ngủ, gà*.

Các kiểu loại hình âm tiết CVC, CV... sẽ xuất hiện trong các từ được sử dụng để lượng giá (do đặc điểm loại hình của âm tiết tiếng Việt, khảo sát này chỉ tính kiểu loại âm tiết xét theo yếu tố kết thúc âm tiết). Mỗi âm cần lượng giá có tần số xuất hiện ít nhất 2 lần trong danh sách từ dùng để lượng giá. Từ dùng lượng giá được chọn theo các yêu cầu: từ đơn tiết gọi tên sự vật hiện tượng quen thuộc, gần gũi với trẻ; dễ minh họa bằng hình ảnh, dễ gợi ý cho trẻ nói; tránh trường hợp hình ảnh sẽ có những cách gọi khác nhau do vùng phương ngữ (vd: *mẹ, má, bằm, u, vú; heo, lợn...*), (xem thêm [6, tr.6-17]).

2.1.4. Bộ tranh ảnh dùng làm phương tiện khảo sát trong nghiên cứu này gồm các hình ảnh mà tên gọi của nó chứa các từ đơn dùng để đánh giá âm lời nói của trẻ. Đi kèm bộ tranh ảnh là phiếu kiểm tra âm lời nói của trẻ, gồm một số câu hỏi về thông tin chung của trẻ, danh sách từ đơn tương ứng với bộ tranh ảnh (xem Phụ lục *Danh sách từ dùng khảo sát*).

2.2. Phương pháp tiến hành khảo sát, lượng giá

Có thể sử dụng nhiều cách thức

đánh giá khác nhau trong việc khám sàng lọc trẻ có rối loạn âm vị. Chẳng hạn, cho trẻ lặp lại các từ riêng biệt, lặp lại câu sau khi nghe; đọc các từ riêng biệt (theo bảng từ đã cho); nói tự do về một chủ đề; cho trẻ nhìn tranh, mẫu vật và gọi tên sự vật; quan sát trực tiếp việc nói năng của trẻ qua trò chuyện với trẻ, qua các giờ trẻ học, kể chuyện, đọc thơ; ghi âm, quay phim các lời nói của trẻ, v.v.. Tương tự việc khám sàng lọc trẻ có rối loạn âm vị, để tìm tìm lỗi phát âm thường gặp ở trẻ em, người khảo sát có thể lựa chọn hoặc phối hợp sử dụng nhiều cách thức. Tuy nhiên, dù dùng cách thức nào thì nội dung đánh giá cũng phải bao chứa các yếu tố ngữ âm cần đánh giá.

Do giới hạn phạm vi nghiên cứu tìm hiểu thực trạng phát âm, lỗi phát âm của trẻ mẫu giáo ở TPHCM, nên ở nghiên

cứu này, chúng tôi chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê định lượng kết hợp thống kê định tính – kiểu loại thống kê bao gồm sự theo dõi, ghi nhận kết quả qua khảo sát phỏng vấn, khảo sát hành vi ngôn ngữ – để tìm hiểu bản chất vấn đề nghiên cứu, như thống kê về lỗi phát âm, thống kê về sự khác biệt lỗi phát âm ở những độ tuổi khác nhau,... Đồng thời, phân tích mô tả, đối chiếu so sánh để phân loại lỗi, bước đầu tìm quy trình âm vị của trẻ em Việt Nam cũng được chúng tôi sử dụng trong quá trình thực hiện khảo sát và lượng giá này. Việc tính tỉ lệ số trẻ phát âm lỗi ở từng thành tố trong cấu trúc âm tiết sẽ được tính theo tỉ lệ % của số trẻ mắc lỗi trên tổng số trẻ được khảo sát.

3. Kết quả khảo sát và bàn luận

3.1. Kết quả thống kê các lỗi phát âm²

Bảng 1. Kết quả thống kê lỗi phát âm của trẻ 2;0 - 4;11 tuổi³

Tuổi	2;0 - 2;5	2;6 - 2;11	3;0 - 3;5	3;6 - 3;11	4;0 - 4;5	4;6 - 4;11	Âm gốc và âm trẻ phát âm
SL	102	105	134	132	129	123	
Âm	Phụ âm đầu						
/b-/	2.8	1.9	2.0	1.1	0.4	0.7	/b/ → /m, c, t/, zero
/m-/	13.9	7.3	3.9	1.9	1.8	1.0	/m/ → /b, k/, zero
/f-/	23.1	11.9	11.3	9.4	6.8	3.3	/f/ → /v, h, b, c, k, s/, zero
/v-/	11.9	11.1	9.8	6.8	4.1	2.5	/v/ → /b, n, c/, zero
/n-/	9.7	5.9	5.3	7.9	3.2	2.9	/n/ → /m, z, n/, zero
/t-/	38.6	36.1	23.5	15.2	12.1	12.6	/t/ → /c, k, x, t ^h /, zero

/t ^h -/	54.9	55.5	44.7	41.5	34.1	28.0	/t ^h / → /h, v, c, χ, t, ɲ/, zero
/d-/	25.8	7.7	5.5	3.3	1.0	1.8	/d/ → /ɲ, c, t/, zero
/z-/	10.1	10.5	10.4	10.1	9.9	8.0	/z/ → /b, h, c/, zero
/l-/	19.9	15.7	7.5	3.3	4.0	2.8	/l/ → /z, c, t, k/, zero
/s-/	24.1	7.1	6.9	2.2	1.9	1.9	/s/ → /c, z, k, ʈ, b, t, t ^h /, zero
/ʃ-/	41.1	36.3	32.4	29.5	25.7	14.3	/ʃ/ → /c, z, ʁ, t ^h , k, t/, zero
/ẓ-/	22.8	20.5	17.1	12.4	14.5	6.8	/ẓ/ → /ɲ, t, c, k, b/, zero
/ṭ-/	28.3	22.7	18.1	18.7	12.4	6.3	/ṭ/ → /t, s, ɲ, ʁ, k/, zero
/c-/	21.9	13.8	12.9	6.9	4.8	4.0	/c/ → /t, k, h, z, t, ɲ, t ^h , l/, zero
/ɲ-/	6.8	5.9	2.8	1.9	1.1	0.0	/ɲ/ → /n, m, c, z, ʁ/, zero
/ŋ-/	17.8	16.9	14.5	15.0	12.4	10.9	/ŋ/ → /ɲ, n, k/, zero
/k-/	46.5	45.9	21.2	15.1	9.9	2.9	/k/ → /t, c/
/ʁ-/	35.6	22.0	12.5	10.8	9.5	8.9	/ʁ/ → /ɲ, z, c, d, t/, zero
/χ-/	37.5	34.9	22.5	21.3	18.2	16.8	/χ/ → /h, s, v, ʁ, c, z/, zero
/h-/	16.7	5.7	2.9	3.2	2.2	0.8	/h/ → /c, b, z, v/, zero
Âm đệm							
/-ụ-/	50.2	47.5	40.2	43.3	33.2	32.7	/ụ/ → zero
Âm chính							
/-i-/	2.8	2.0	2.1	0.6	0.6	0.5	/i/ → /u/

/-e-/	4.0	2.8	2.1	3.2	1.2	2.5	/e/ → /ɣ, α/
/-ie-/	16.0	11.9	8.2	7.5	6.9	1.4	/ie/ → /ε/
/-ε-/	6.9	5.0	2.9	2.6	1.2	1.0	/ε/ → /ɣ̃/
/-ɣ-/	12.2	14.0	14.1	2.5	2.9	2.4	/ɣ/ → /u, e/
/-ɣ̃-/	0.9	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0	/ɣ̃/ → /w/
/-u-/	8.8	8.4	4.4	0.0	0.0	0.0	/u/ → /o/
/-o-/	6.9	4.5	0.0	0.0	0.0	0.0	/o/ → /ɣ/
/-uɔ-/	22.0	12.2	9.1	6.4	4.7	1.6	/uɔ/ → /ɔ/
/-w-/	2.8	2.1	3.7	3.5	0.5	0.4	/w/ → /ɣ̃/
/-wɣ- /	11.2	10.0	3.7	5.2	2.5	1.7	/wɣ/ → /ɣ/
/-ɔ-/	0.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	/ɔ/ → /ɣ, ɣ̃/
/-α-/	3.4	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	/α/ → /o, ε/
/-ǎ-/	6.3	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	/ǎ/ → /ε/
Âm cuối							
/-ụ/	13.9	9.9	6.8	7.1	2.8	0.8	/ụ/ → /m/, zero
/-ị/	13.8	12.2	2.9	2.2	0.0	0.0	/ị/ → /ŋ/, zero
/-n/	4.9	1.9	0.0	0.0	0.0	0.0	/n/ → /t/, zero
/-m/	9.5	7.1	4.8	1.3	2.2	0.0	/m/ → zero, /n/
/-ŋ/	21.4	7.1	5.9	4.0	4.2	1.1	/ŋ/ → /n, m/, zero
/-p/	12.1	1.8	6.3	6.8	1.3	0.5	/p/ → /t, m, k/, zero
/-t/	2.7	2.4	2.3	0.0	0.0	0.0	/t/ → zero
/-k/	8.5	6.8	9.1	1.4	2.4	0.0	/k/ → /p/
Thanh điệu							
/1/	5.7	3.8	1.9	0.0	0.0	0.0	/1/ → /2, 5/
/2/	12.5	3.2	0.0	0.0	0.0	0.0	/2/ → /1/
/3/	14.1	14.8	13.5	14.1	11.3	9.0	/3/ → /2/
/4/	5.0	5.7	5.9	4.2	2.8	1.9	/4/ → /3/
/5/	4.9	2.7	1.9	2.1	0.0	0.0	/5/ → /1/
/6/	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

3.2. Một số nhận xét ban đầu

3.2.1. Xét theo độ tuổi

Cùng với sự phát triển sinh lí, các đặc điểm tâm lí, ngôn ngữ của trẻ cũng ngày một phát triển. Nhìn chung các nghiên cứu về ngôn ngữ trẻ em đều có chung nhận định: đến khoảng 6 tuổi, việc phát âm của trẻ được hoàn thiện – không còn hiện tượng nói ngọng, nói đót [3], [4], [5], [6], [9]. Số liệu ở bảng 1 cho thấy tất cả các loại lỗi đều giảm dần theo độ tuổi, trẻ 4;0 – 4;11 tuổi ít bị lỗi hơn hẳn so với các độ tuổi trước đó. Điều này là đương nhiên, bởi nó phản ánh đúng quy luật phát triển tâm sinh lí và ngôn ngữ của trẻ.

Kết quả ở bảng 1 cũng cho thấy có những âm số trẻ mắc lỗi rất ít, như /b-/ , /i, ɔ, α, ǎ/, /-n/, thậm chí không có 1 trẻ nào mắc lỗi, vd: thanh nặng /6/. Số liệu này, cho phép ta suy luận: nếu trẻ 3 – 4 tuổi vẫn phát âm sai những âm này, người

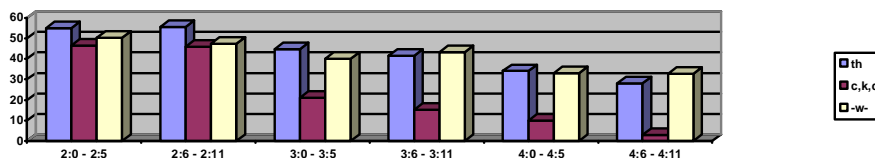
chăm sóc trẻ phải nghĩ ngay đến việc xem xét âm lời nói cho trẻ. Còn những âm, ngay cả trẻ 4;6 – 4;11 tuổi vẫn bị lỗi, như /-u-/ , /t^h/ , /χ/ thì với trẻ 2;0 – 3;11 tuổi, chưa phải quá lo lắng. Tương tự, nếu chỉnh âm cho trẻ cũng không nên bắt đầu từ những âm muộn, như các âm /-u-/ , /t^h/ , /χ/.

Sự giảm mạnh số trẻ bị lỗi âm cuối /-ŋ/ (21.4 ở độ tuổi 2;0 – 2;5 → 7.1 ở độ tuổi 2;6 – 2;11 và 1.1 ở độ tuổi 4;6 – 4;11), rất đáng chú ý và gợi liên tưởng đến ảnh hưởng của phương ngữ. Có những lỗi chiếm tỉ lệ rất cao ở trẻ 2 – 3 tuổi. Nhưng đến độ tuổi 4;0 - 4;11 tuổi, lỗi giảm rõ rệt. Ví dụ so sánh lỗi phát âm âm /t^h/, âm đầu /k-/ và âm đệm /-u-/ , ta thấy rõ điều này; nhất là âm /k-/ có chiều hướng giảm lỗi mạnh nhất (Xem bảng 2 và biểu đồ 1 dưới đây).

Bảng 2. So sánh tỉ lệ số trẻ mắc lỗi khi phát âm /t^h-/, /k-/ , /-u-/

Tuổi Âm	2;0 - 2;5	2;6 - 2;11	3;0 - 3;5	3;6 - 3;11	4;0 - 4;5	4;6 - 4;11
/t ^h -/	54.9	55.5	44.7	41.5	34.1	28.0
/k-/	46.5	45.9	21.2	15.1	9.9	2.9
/-u-/	50.2	47.5	40.2	43.3	33.2	32.7

Biểu đồ 1. So sánh tỉ lệ số trẻ mắc lỗi khi phát âm /t^h-/, /k-/ , /-u-/



Ghi chú: /t^h-/: th; /k-/: c, k, q; /-u-/: w.

Đồng thời số liệu thống kê trên (xem bảng 1 và biểu đồ 1) cũng cho thấy có những âm tỉ lệ trẻ mắc phải khi đã tới ngưỡng 5 tuổi vẫn còn khá cao, như âm /t^h/: 28%; /χ/: 16,8%; /-u-/: 32,7%.

3.2.2. Xét theo các thành tố cấu tạo âm tiết

Trong 5 thành tố cấu tạo âm tiết (âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu) thì thanh điệu là thành tố có số trẻ phạm lỗi ít nhất. Ngược lại, âm đệm lại là thành tố mà số trẻ phạm lỗi chiếm tỉ lệ cao nhất ở tất cả các độ tuổi. Đến khi trẻ cận 5 tuổi, lỗi phát âm âm đệm vẫn cao nhất so với những âm còn lại. Cũng cần mở ngoặc nói thêm là để có thể tìm được số liệu tin cậy cho lỗi âm đệm (cũng như những yếu tố khác), chúng tôi chọn dùng những từ có thể giúp hạn chế ở mức thấp nhất những ảnh hưởng của phương ngữ, như *huệ, khóa*.

Lỗi phát âm âm đệm /-u-/ thường gặp là hiện tượng bớt âm – âm được phát ra không còn âm đệm, vd: *huệ* → *hệ*, *khóa* → *khá*. Hiện tượng này có một phần lớn từ nguyên do đặc điểm cấu âm âm học và vị trí vai trò của âm đệm /-u-/ trong cấu tạo âm tiếng Việt – một bán nguyên âm có chức năng trầm hoá âm tiết sau khi mở đầu; có đặc điểm cấu âm âm học giống nguyên âm /u/ – hàng sau, cao, hẹp, tròn môi, trầm – nhưng phát âm lướt nhẹ hơn /u/ [8], [12]. Lỗi phát âm âm đệm còn gặp cả khi trẻ vào lớp 1 và dẫn đến tình trạng trẻ thường viết không đúng chính tả những tiếng có âm đệm [1, tr.134-136].

Trong số 6 thanh, thì 2 thanh hỏi /4/, ngã /3/ có đường nét âm điệu phức tạp hơn, nhất là thanh ngã, có lẽ đây là nguyên do khiến trẻ phạm lỗi ở 2 thanh

này nhiều hơn so với những thanh còn lại. Tuy nhiên, không hẳn cứ có đường nét đều đặn thì sẽ lỗi ít hơn hoặc không gây lỗi. Chẳng hạn so sánh số liệu đã thu thập về thanh huyền và thanh nặng ta sẽ thấy rõ điều này: trẻ không bị sai khi phát âm thanh nặng, nhưng lại sai thanh huyền (12.5 → 3.2 → 0.0: theo độ tuổi 2;0 - 2;11, sang 3;0 tuổi trẻ không còn phạm lỗi khi phát âm thanh huyền) trong khi đường nét âm vực của thanh huyền được đánh giá là đều đặn hơn so với thanh nặng [8], [12]. Số liệu về tỉ lệ phạm lỗi ở thanh điệu ít nhất so với các thành tố còn lại, không chỉ đặt ra câu hỏi về ảnh hưởng của yếu tố siêu âm đoạn trong việc phát âm, mà còn gợi tìm hiểu về tính chất “khó/dễ” của nó đối việc phát âm.

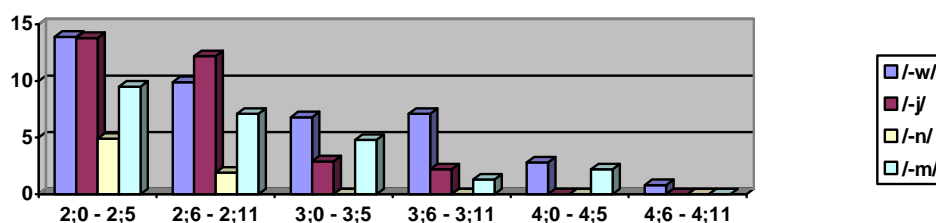
Số liệu thu thập được cũng cho thấy khi trẻ nói, tỉ lệ phát âm lỗi ở yếu tố âm chính không nhiều so với âm đầu, âm cuối và âm đệm. (Những trường hợp như *xoài* → *xòi, xài*; *loan* → *loong*; *hươu* → *hu, huu* không tính là lỗi, vì đối tượng được khảo sát là trẻ ở TPHCM, những hiện tượng vừa nêu đều thuộc biến thể phương ngữ Nam). Âm chính trong tiếng Việt bao giờ cũng là nguyên âm, và không thể vắng mặt trong cấu tạo âm tiết tiếng Việt [8], [12]. Có thể nói đây là một nguyên do. Nguyên do này cùng với đặc điểm cấu âm âm học – do thanh tạo nên, luồng hơi không bị cản – khiến cho trẻ ít phạm lỗi ở yếu tố âm chính.

Mặc dù giữa âm chính và âm cuối có mối quan hệ rất chặt chẽ [8], [12], nhưng hiện tượng trẻ phát âm mất âm cuối, nhất là 2 bán nguyên âm cuối /-u-, -i-/ chiếm một tỉ lệ đáng kể so với các âm cuối còn lại. Vd so sánh với phụ âm cuối /-m, -n/ (Xem bảng 3 và biểu đồ 2):

Bảng 3. So sánh tỉ lệ lỗi ở /-u̇-, -i̇/ với /-n-, -m/

Tuổi Âm	2;0 - 2;5	2;6 - 2;11	3;0 - 3;5	3;6 - 3;11	4;0 - 4;5	4;6 - 4;11
/-u̇/	13.9	9.9	6.8	7.1	2.8	0.8
/-i̇/	13.8	12.2	2.9	2.2	0.0	0.0
/-n/	4.9	1.9	0.0	0.0	0.0	0.0
/-m/	9.5	7.1	4.8	1.3	2.2	0.0

Biểu đồ 2. Tỉ lệ lỗi ở /-u̇-, -i̇/ so sánh với /-n-, -m/



Ghi chú: /-u̇-/ : /-w/, /-i̇-/ : /-j/

Có thể giải thích điều này từ đặc điểm cấu âm âm học của 2 yếu tố này – chúng đều là bán nguyên âm, đứng sau nguyên âm, có chức năng khép âm tiết lại. Phải chăng, đặc điểm này đã khiến nó ít nhiều bị nhòe thêm, bên cạnh đặc điểm phát âm lướt nhẹ hơn âm chính, khiến nó bị trệ “đánh rơi” khi phát âm, vd: *voi* → *vo*, *điều* → *đià*?

Kết quả khảo sát trên cũng cho thấy trẻ phát âm bị lỗi ở yếu tố âm đầu nhiều nhất. Ở đó, có tất cả các dạng “trước hóa”, “sau hóa” (xin xem cột “Âm gốc và

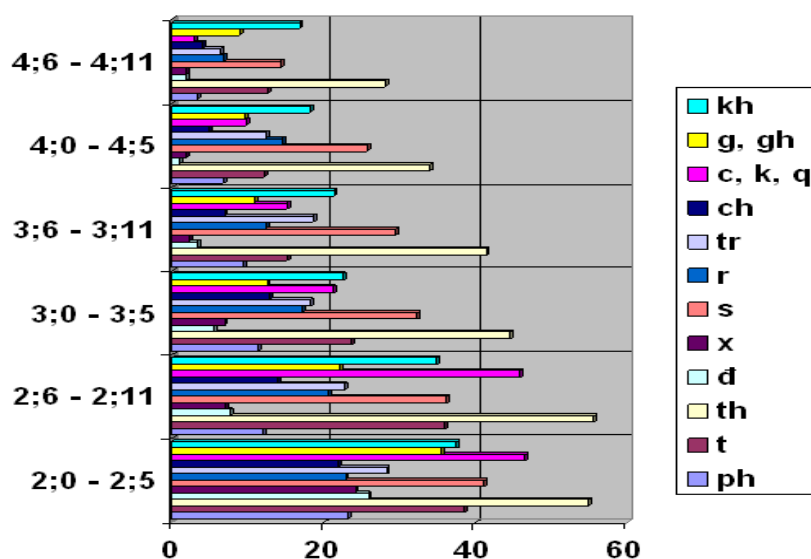
âm trẻ phát âm” ở bảng 1), trong đó, hiện tượng mất âm đầu (âm đầu biến thành zero chiếm tỉ lệ cao nhất – xảy ra với tất cả các âm đầu). Hiện tượng này có lí do từ đặc điểm vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa âm đầu với phần vần. Trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt, phụ âm đầu giữ chức năng mở đầu tiết, mối quan hệ giữa phụ âm đầu với phần vần lỏng lẻo hơn so với mối quan hệ giữa các thành tố trong phần vần [8], [12]. Bảng 4 dưới đây so sánh các âm có trên 20% trẻ ở độ tuổi 2;0 - 2;5 phạm lỗi.

Bảng 4. So sánh mức độ giảm lỗi giữa các âm đầu có tỉ lệ trẻ bị lỗi cao

Tuổi Âm	2;0 - 2;5	2;6 - 2;11	3;0 - 3;5	3;6 - 3;11	4;0 - 4;5	4;6 - 4;11
/f-/	23.1	11.9	11.3	9.4	6.8	3.3
/t-/	38.6	36.1	23.5	15.2	12.1	12.6

/t ^h -/	54.9	55.5	44.7	41.5	34.1	28.0
/d-/	25.8	7.7	5.5	3.3	1.0	1.8
/s-/	24.1	7.1	6.9	2.2	1.9	1.9
/ʃ-/	41.1	36.3	32.4	29.5	25.7	14.3
/z-/	22.8	20.5	17.1	12.4	14.5	6.8
/t̚-/	28.3	22.7	18.1	18.7	12.4	6.3
/c-/	21.9	13.8	12.9	6.9	4.8	4.0
/k-/	46.5	45.9	21.2	15.1	9.9	2.9
/ʎ-/	35.6	22.0	12.5	10.8	9.5	8.9
/χ-/	37.5	34.9	22.5	21.3	18.2	16.8

Biểu đồ 3. Mức độ giảm lỗi giữa các âm đầu có tỉ lệ trẻ bị lỗi cao



Ghi chú: /f/: ph, /t/: t, /t^h/: th, /d/: đ, /s/: ʃ, /ʃ/: s, /z/: r, /t̚/: tr, /c/: ch, /k/: c, k, q; /ʎ/: g, gh; /χ/: kh

Bảng 1, bảng 4 và biểu đồ 4 cũng cho thấy sự giảm dần của tỉ lệ trẻ mắc lỗi ở các âm không đều đặn. Có những âm giảm mạnh ở độ tuổi tiếp theo (2;6 – 2;11), như /d, s, f/ nhưng cũng có những âm trẻ cận 5 tuổi vẫn phạm lỗi (vẫn còn

28% trẻ phạm lỗi âm /t^h/; 16% trẻ phạm lỗi âm /χ/). Số liệu thu thập được về tỉ lệ số trẻ mắc lỗi cao ở độ tuổi 3;6 – 4;11 cho phép ta có thể suy đoán và xếp các âm /-ʎ-/, /t^h-, /χ-, /ʃ-, /t-, /ʎ-, /t̚-, /z-, /k-/ vào nhóm “âm muộn”.

Số liệu ở bảng 1 cũng cho thấy trẻ phát âm bị lỗi ở âm cuối ít hơn đáng kể so với âm đầu. Hiện tượng này có một nguyên do quan trọng từ cấu tạo âm tiết tiếng Việt: trong âm tiết tiếng Việt, âm chính và âm cuối có mối quan hệ chặt chẽ nhất so với mối quan hệ giữa các thành tố còn lại (thanh điệu và các yếu tố âm đoạn, âm đầu và phần vần, âm đệm và vần), xem [8], [12].

Ngoài ra, dẫn chứng về âm gốc và âm trẻ phát âm ở bảng 1 cũng cho những người làm công tác giáo dục ngôn ngữ, nhất là những nhà âm ngữ trị liệu, những cứ liệu hữu ích cho công việc của mình. Chúng tôi sẽ bàn đến vấn đề này trong một bài viết khác.

Nếu tính cả trường hợp phát âm theo phương ngữ thì số liệu của chúng tôi đã thu thập (chưa trình bày trong báo cáo này) có sự biến đổi không đều đặn: có những âm, độ tuổi 3 – 4 bị ảnh hưởng phương ngữ nhiều hơn trẻ ở độ tuổi 2 – 3. Hiện tượng này cho phép ta có thể suy đoán: trẻ sống tại địa bàn thành phố ở trường nhiều hơn ở nhà nên ảnh hưởng phát âm của bạn bè và cô nuôi dạy trẻ nhiều hơn là chịu ảnh hưởng phát âm của bố mẹ trẻ.

4. Kết luận

Nghiên cứu này của chúng tôi mới chỉ là một khảo sát sơ bộ về một phương diện của vấn đề âm lời nói của trẻ mẫu

giáo tại địa bàn TPHCM – phương diện lỗi phát âm âm tiết của trẻ 2 – 4 tuổi. Số lượng trẻ khảo sát chưa nhiều và nghiên cứu này mới thực hiện dưới dạng lượng giá khả năng phát âm của trẻ 2 – 4 tuổi tại cùng một thời điểm mà chưa tiến hành khảo sát qua các thời điểm khác nhau.

Tuy có những giới hạn như vừa nêu trên, nhưng những số liệu của nghiên cứu này cũng có thể cung cấp những cứ liệu cần yếu, để tạo thành cơ sở cho một thiết kế nghiên cứu dày dặn hơn, toàn diện hơn. Mặt khác, số liệu của nghiên cứu này cũng phần nào cho thấy: không thể phủ nhận hiện tượng “âm muộn”, quy trình âm vị của trẻ em là quy trình hoàn toàn có thể xác lập được; trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt có những thành tố do đặc điểm cấu âm âm học cùng vị trí, chức năng của nó trong cấu tạo âm tiết mà nó có thể bị trẻ phát âm sai. Và có những yếu tố phải đến một độ tuổi nào đó, phần lớn trẻ mới có thể phát âm đúng. Dựa vào những cứ liệu này, những người làm công tác âm ngữ trị liệu có thể dùng làm chỉ số sàng lọc nhận diện trẻ có rối loạn về âm lời nói cũng như xây dựng quy trình can thiệp hỗ trợ cho trẻ có khó khăn về âm lời nói nói riêng và giáo dục ngữ âm cho trẻ mầm non nói chung.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH TỪ DÙNG KHẢO SÁT

Bú, bánh, com, cười, kiến, quạt, quần, chữ, chim, dép, dừa, dưa, đầu, gà, gỗ, ghé, hát, hộp, huệ, khí, khế, khoá, lên, lược, lưng, mía, mít, nắm, nôi, ngựa, ngủ, nghe, nhận, nho, phơi, phở, rần, rau, sóc, sách, tay, tết, thầy, thuốc, trồng, trâu, voi, vẽ, xương, xoay.

¹Theo thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tính đến ngày 01-4-2009, TPHCM có đủ 54 thành phần dân tộc cùng người nước ngoài sinh sống.

(<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&ItemID=10798>, xem Phần I: Biểu tổng hợp)

² Ở khảo sát này, chúng tôi cũng thu được không ít cứ liệu rất đáng chú ý về việc phát âm của trẻ xét theo bình diện phương ngữ, ảnh hưởng của môi trường với việc phát âm của trẻ. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này ở một bài viết khác.

³ 2;0: hai tuổi chẵn, 2;5: hai tuổi năm tháng, 4;11: bốn tuổi mười một tháng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Ân (2007), “Về hiện tượng bỏ âm vị - tự vị” của học sinh lớp 1”, kỉ yếu *Hội thảo khoa học quốc tế “Những khó khăn trong học tập ngôn ngữ và toán của học sinh tiểu học”*, Trường Đại học Sư phạm TPHCM & Université Libre de Bruxelles, pp.134-136.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), “Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi”, trong *Công báo/Số 487+488 ngày 12-8-2010*, tại [http://congbao.chinhphu.vn/tai-ve-van-ban-so-23_2010_TT-BGD%C4%90T-\(4781\)?cbid=4778](http://congbao.chinhphu.vn/tai-ve-van-ban-so-23_2010_TT-BGD%C4%90T-(4781)?cbid=4778), truy cập ngày 02.4.2014 tr 87-95.
3. Nguyễn Huy Cận (2001), *Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Elliot Stephen N., Will Thomas R. Kratoch, Cook Joan Littlefield, Travers John F. (2000), *Educational Psychology (third edition): Effective Learning*, McGraw-Hill.
5. Ka-hai-nơ-dích (1990), *Dạy trẻ tập nói như thế nào* (Đỗ Thanh dịch), Nxb Giáo dục.
6. Nguyễn Thị Ly Kha (2011), “Nội dung đánh giá khả năng phát âm âm tiết của trẻ mẫu giáo”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, (9), tr.6-17.
7. Lưu Thị Lan (1996), *Những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1 đến 6 tuổi (trên cứ liệu ngôn ngữ trẻ em ở nội thành Hà Nội)*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng (1996), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Phùng Quán (2012), *Phương án 0 tuổi: phát triển ngôn ngữ từ trong nôi* (dành cho trẻ 0 – 6 tuổi), (Nguyễn Thị Thanh dịch), Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
10. P. J. Stilwell (2006), *A Resource Book for students*, London: Routledge.
11. Phạm Ngọc Thanh (2007), “Trẻ rối loạn ngôn ngữ khám chữa bệnh tại bệnh viện Nhi Đồng 1”, kỉ yếu *Hội thảo khoa học quốc tế “Những khó khăn trong học tập ngôn ngữ và toán của học sinh tiểu học”*, Trường Đại học Sư phạm TPHCM & Université Libre de Bruxelles, pp.201-204.
12. Đoàn Thiện Thuật (2000), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2001), *Một số đặc điểm phát triển của trẻ em từ 0 – 6 tuổi và mục tiêu nội dung chăm sóc - giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non*, Trung tâm nghiên cứu Giáo dục mầm non, Hà Nội.
14. Hà Thị Kim Yến (2010), “Hoạt động can thiệp tâm lí và âm ngữ đối với trẻ có khó khăn giao tiếp”, *Hội thảo Tâm lí học lâm sàng Việt - Pháp*, Bệnh viện Nhi Đồng 1 – Sở Y tế TPHCM, TP Hồ Chí Minh 25-26/10/2010.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 03-4-2014; ngày chấp nhận đăng: 07-4-2014)